



WWW.UNISTARS.VN

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Y	Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trúc	Ủy viên
Ông Lê Văn Nhuận	Ủy viên
Ông Đặng Quang Cường	Ủy viên
Ông Lưu Văn Đông	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đức Y	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trúc	Giám đốc Công ty
Ông Lưu Văn Đông	Giám đốc Nhà máy
Ông Lê Văn Nhuận	Phó Giám đốc Công ty

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG



Trần Đức Y

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Số: 201-23/BC.KT-UNI

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Kết cấu thép xây dựng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27/03/2023, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Đoàn Tiến Hưng**

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1123-2023-153-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ UNISTARS**Nguyễn Hữu Trang**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1468-2023-153-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.242.163.759	132.358.901.871
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		21.315.858.835	11.235.325.555
1 Tiền	111	V.01	21.315.858.835	11.235.325.555
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.974.670.839	36.580.905.927
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	48.941.600.732	40.506.037.030
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	3.633.326.768	2.564.218.364
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.655.684.812	1.884.003.079
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(8.255.941.473)	(8.373.352.546)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	73.297.026.746	81.338.712.727
1 Hàng tồn kho	141		73.297.026.746	81.338.712.727
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.654.607.339	3.203.957.662
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		774.819.791	99.876.712
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		744.404.900	2.848.538.450
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	135.382.648	255.542.500
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.401.431.991	26.488.067.293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.628.247.802	21.228.240.139
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	17.628.247.802	21.228.240.139
- Nguyên giá	222		63.999.094.516	62.807.749.478
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.370.846.714)	(41.579.509.339)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.053.687.168	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	4.572.000.000	4.572.000.000
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.212.000.000	4.212.000.000
2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		360.000.000	360.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		147.497.021	687.827.154
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	147.497.021	687.827.154
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		173.643.595.750	158.846.969.164

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		103.161.896.093	88.323.479.854
I. Nợ ngắn hạn	310		103.161.896.093	88.323.479.854
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	51.037.891.238	33.328.845.393
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	38.246.355.317	28.169.488.030
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	243.636.311	1.316.830.758
4 Phải trả người lao động	314		2.846.942.710	3.453.836.264
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	45.454.544	45.454.545
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	8.878.349.362	11.828.319.043
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	7.159.240.000
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.863.266.611	3.021.465.821
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.481.699.657	70.523.489.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	70.481.699.657	70.523.489.310
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
2 Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.191.509.818	3.191.509.818
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		16.606.628.702	16.606.628.702
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.683.561.137	5.725.350.790
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.683.561.137	5.725.350.790
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		173.643.595.750	158.846.969.164

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	310.175.076.760	238.997.160.615
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		310.175.076.760	238.997.160.615
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.02	292.557.652.436	223.935.106.788
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		17.617.424.324	15.062.053.827
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	487.414.220	303.114.387
7 Chi phí tài chính	22		209.873.611	140.449.315
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		209.873.611	140.449.315
8 Chi phí bán hàng	25	VI.06	2.876.477.461	2.454.538.595
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	7.359.211.488	5.577.149.203
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		7.659.275.984	7.193.031.101
11 Thu nhập khác	31	VI.04	59.869.159	210.921.889
12 Chi phí khác	32	VI.05	598.292.955	64.203.736
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(538.423.796)	146.718.153
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		7.120.852.188	7.339.749.254
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	1.437.291.051	1.614.398.464
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.683.561.137	5.725.350.790
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	1.263,01	1.272,30

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.120.852.188	7.339.749.254
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		4.951.774.651	5.784.548.256
- Các khoản dự phòng	03		(117.411.073)	(1.562.545.855)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64.816.533)	(460.169.634)
- Chi phí lãi vay	06		209.873.611	140.449.315
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.100.272.844	11.242.031.336
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.172.220.289)	45.210.731.871
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.654.948.654	(25.195.621.153)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		22.122.753.197	(18.676.375.787)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(134.612.946)	112.144.072
- Tiền lãi vay đã trả	14		(209.873.611)	(140.449.315)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.516.830.758)	(1.881.329.936)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(70.000.000)	(175.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.774.437.091	10.496.131.088
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(8.481.949.841)	(331.980.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		40.620.000	2.098.800.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		29.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(29.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		487.414.220	303.114.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.953.915.621)	2.069.934.387
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	7.159.240.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.159.240.000)	(10.400.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.580.748.190)	(4.834.107.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.739.988.190)	(8.074.867.300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		10.080.533.280	4.491.198.175
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.235.325.555	6.744.127.380
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	21.315.858.835	11.235.325.555

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Trần Đức Y

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 241/2003/QĐ-BCN ngày 30/12/2003 của Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21/11/2016, vốn điều lệ của Công ty là: **45.000.000.000 đồng** (Bốn mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, lắp đặt kết cấu thép và xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí, nhà thép tiền chế, dầm thép tổ hợp, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cột điện cao - hạ thế, cột vi ba truyền hình, các thiết bị xây dựng, các loại cầu trục phục vụ các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng, xây lắp đường dây và trạm biến áp; Kinh doanh xuất nhập khẩu kim khí và vật tư tổng hợp;
- Tư vấn xây dựng: lập dự án đầu tư, thiết kế, lập tổng dự toán và dự toán các công trình công nghiệp và dân dụng; Thiết kế thiết bị nâng hạ, thiết bị phi tiêu chuẩn;
- Tư vấn giám sát xây dựng công trình; Tư vấn đầu tư xây dựng, chuyển giao công nghệ sản xuất kết cấu thép, cơ khí; San lấp mặt bằng, xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống); xây dựng công trình thủy lợi;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá, cho thuê kho bãi, thiết bị./.

Trụ sở chính của Công ty: Tổ 7, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách đơn vị trực thuộc:***

Công ty có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc là Nhà máy kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng, địa chỉ tại Tổ 7 Thị Trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép số 5	Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%
- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	Phường Tân Thành, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm kết cấu thép và cơ khí	36%	36%	36%

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu của Văn phòng Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng và Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh - Chi nhánh Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Văn phòng Công ty với Nhà máy đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội.

Công ty chưa đánh giá lại số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại Công ty liên kết. Căn cứ báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm lập báo cáo tài chính năm của Công ty, thực hiện xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư do công ty liên kết hoạt động kinh doanh có lãi.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính. Mức trích lập dự phòng của từng khoản đầu tư tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

Công ty không trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác do đơn vị này đang hoạt động sản xuất, kinh doanh có lãi.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên liệu chính, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung trực tiếp và chi phí sản xuất chung trực tiếp và phân bổ.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải	08 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí dụng cụ văn phòng, phần mềm TEKLA, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 12 tháng đối với chi phí trả trước ngắn hạn và từ trên 12 tháng đến 36 tháng đối với chi phí trả trước dài hạn.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty và công ty liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn là khoản phí kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022. Đây là khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm là khung nhà thép tiền chế, bao che tôn nhà thép, sản phẩm cơ khí thủy công, doanh thu hoạt động xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia.

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty là các khoản thu từ bán thanh lý vật tư thu hồi khi hủy tài sản cố định và tiền nhà của cán bộ công nhân viên, được ghi nhận trên cơ sở Phiếu thu, chứng từ ngân hàng, hợp đồng kinh tế và các chứng từ kế toán có liên quan.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng hóa được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Giá vốn hoạt động xây lắp được tập hợp và ghi nhận tương ứng với doanh thu ghi nhận trong năm.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế..

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền		
Tiền mặt	508.819.188	328.444.023
Tiền gửi ngân hàng	20.807.039.647	10.906.881.532
Cộng	21.315.858.835	11.235.325.555

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đông Anh - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2022			01/01/2022		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	4.212.000.000	-	4.212.000.000	4.212.000.000	-	4.212.000.000
Công ty CP Kết cấu thép số 5	1.980.000.000	-	1.980.000.000	1.980.000.000	-	1.980.000.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	2.232.000.000	-	2.232.000.000	2.232.000.000	-	2.232.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	360.000.000	-	360.000.000	360.000.000	-	360.000.000
Cộng	4.572.000.000	-	4.572.000.000	4.572.000.000	-	4.572.000.000

(*): Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định = giá gốc của khoản đầu tư - dự phòng tổn thất đầu tư tài chính đã trích lập. Các Công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác hiện tại đang kinh doanh có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

- Công ty CP Kết cấu thép số 5 được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 09/01/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Thái Nguyên cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4600425361 thay đổi lần thứ 5 ngày 26/11/2021 thì vốn điều lệ của công ty là: 5.500.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

- Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 14600425354, đăng ký lần đầu ngày 04/01/2008 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 25/11/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp với số vốn điều lệ là 6.200.000.000 đồng. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kết cấu thép xây dựng. Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	(1.533.779.121)	1.533.779.121	(1.533.779.121)
Công ty CP May Nam Định	1.370.714.804	-	1.370.714.804	-
Công ty LEPRO - Chi nhánh Hà Nam	1.682.756.812	-	1.682.756.812	-
Công ty CP Đầu tư HICON	811.551.100	-	1.261.551.100	-
Công ty TNHH Đầu tư kỹ thuật xây dựng An Tín	89.650.698	-	239.650.698	-
Công ty ENPRAT	1.028.662.027	(702.018.513)	1.028.662.027	(702.018.513)
Công ty TNHH MTV Đầu tư & Xây dựng Hoàng Dân	-	-	1.109.958.075	-
Ban quản lý khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	(180.495.119)	500.000.000	(180.495.119)
Các đối tượng khác	5.447.339.528	(2.056.286.165)	5.462.721.575	(2.056.286.165)
<i>Nhà máy</i>				
Công ty Kết cấu thép cơ khí Đông Anh E&C	1.044.330.215	(647.165.108)	1.144.330.215	(647.165.108)
Công ty TNHH Tiến Dũng Việt Yên	-	-	35.113.021	-
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	2.098.516.381	-	-	-
Công ty TNHH DONGGUK VINA	2.329.718.130	(1.131.870.790)	2.329.718.130	(1.131.870.790)
Công ty TNHH DONGHUI	-	-	6.114.083.616	-
Công ty CP Xây dựng Bông sen vàng	-	-	3.001.365.963	-
Công ty ECOTECH Hưng yên	162.671.000	-	1.293.238.000	-
Công ty TNHH Xây dựng VINACON Nam Khánh	1.446.432.607	-	633.583.013	-
Công ty TNHH Han CCO VINA	871.768.297	-	922.844.410	-
Công ty TNHH Thiên Phú	1.212.513.595	-	1.212.513.595	-
Công ty CP Sản xuất xuất nhập khẩu khoáng sản Việt	17.976.547.195	-	-	-
Các đối tượng khác	9.334.649.222	(2.004.326.657)	9.629.452.855	(2.121.737.730)
Cộng	48.941.600.732	(8.255.941.473)	40.506.037.030	(8.373.352.546)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars	819.000	-
Công ty CP Xây lắp & Sản xuất công nghiệp	-	35.414.621
<i>Nhà máy</i>		
Công ty CP Đầu tư công nghiệp Tây Nam Đô	163.000.000	163.000.000
Công ty CP Cơ khí chính xác VN-J	-	1.498.856.000
Công ty TNHH Xây lắp & Vận tải Tân Đạt	190.000.000	190.000.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Hoàng Mai	-	432.937.377
Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Green Việt Nam	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Hoàng Long	-	103.239.850
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại và Dịch vụ D4F	470.000.000	-
Công ty CP Phát triển đô thị Hà Nội	223.513.400	-
Công ty TNHH Thiết bị điều hòa ITEC Việt Nam	826.257.114	-
Công ty CP Xây lắp công trình thép SEICO	963.262.200	-
Các đối tượng khác	746.475.054	90.770.516
Cộng	3.633.326.768	2.564.218.364

5. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Phải thu khác	1.220.481.206	-	1.271.946.848	-
Nguyễn Xuân Tranh	26.150.000	-	26.150.000	-
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	669.600.000	-	669.600.000	-
Công ty CP Cốp pha thép Việt Trung	-	-	45.000.000	-
Công ty Long Thái	300.115.500	-	300.115.500	-
Các khoản phải thu khác	224.615.706	-	231.081.348	-
Tạm ứng	-	-	17.380.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Hà	-	-	17.380.000	-
<i>Nhà máy</i>	435.203.606	-	594.676.231	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Phải thu khác	146.183.691	-	178.395.051	-
Bảo hiểm phải thu của người lao động	103.269.924	-	108.030.106	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	26.870.066	-	29.735.907	-
Các khoản phải thu khác	16.043.701	-	40.629.038	-
Tạm ứng	289.019.915	-	416.281.180	-
Lê Văn Nhuận	16.000.000	-	4.995.000	-
Hoàng Hữu Anh	30.000.000	-	50.000.000	-
Phan Văn Thắng	14.273.839	-	89.273.839	-
Các đối tượng khác	228.746.076	-	272.012.341	-
Cộng	1.655.684.812	-	1.884.003.079	-

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Công ty CP ENZO VIET	365.928.468	-	365.928.468	-
Ban quản lý Khu du lịch Mẫu Sơn	500.000.000	319.504.881	500.000.000	319.504.881
Công ty CP Tư vấn thiết kế và Xây dựng Gia Phát	1.533.779.121	-	1.533.779.121	-
Công ty ENPRAT	1.028.662.027	326.643.514	1.028.662.027	326.643.514
Công ty Việt Phát	580.000.000	-	580.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Trung - Cao su	174.846.325	-	174.846.325	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Miền Trung Việt Hàn	310.688.000	-	310.688.000	-
Viện nghiên cứu cơ khí	171.189.300	-	171.189.300	-
Công ty CP Tập đoàn Sóng Thần	110.000.000	-	110.000.000	-
Công ty CP Dịch vụ HICON	70.000.000	-	70.000.000	-
Các đối tượng khác	307.489.785	33.855.713	307.489.785	33.855.713
<i>Nhà máy</i>				
Công ty CP Đầu tư phát triển Châu Á	414.867.067	300.000.000	414.867.067	300.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty TNHH DONGUK VINA	2.329.718.130	1.197.847.340	2.263.741.580	1.131.870.790
Công ty CP Xây dựng số 11	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thái Sơn	115.177.855	-	115.177.855	-
Công ty TNHH Long Hải	76.011.000	-	76.011.000	-
Công ty Thương mại tổng hợp Quảng Bình	364.410.947	-	364.410.947	-
Các đối tượng khác	3.012.021.568	1.230.996.672	2.830.998.244	932.562.275
Cộng	11.664.789.593	3.408.848.120	11.417.789.719	3.044.437.173

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.171.553.702	-	14.877.105.862	-
Công cụ, dụng cụ	25.996.996	-	117.842.115	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.099.476.048	-	66.343.764.750	-
Cộng	73.297.026.746	-	81.338.712.727	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	774.819.791	99.876.712
Phí bảo hiểm xe ô tô	-	99.876.712
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	103.858.283	-
Dụng cụ văn phòng	233.878.973	-
Phần mềm TEKLA	436.382.608	-
Chi phí khác	699.927	-
b) Dài hạn	147.497.021	687.827.154
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	104.827.438
Dụng cụ văn phòng	-	252.633.378
Chi phí sửa chữa cân điện tử	-	104.429.654
Chi phí làm catalogue	-	18.565.192
Chi phí sửa chữa cầu trục	-	10.161.986
Sửa chữa tài sản cố định	121.543.092	194.468.947
Chi phí khác	25.953.929	2.740.559
Cộng	922.316.812	787.703.866

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Đơn vị tính: VND					
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2022	14.338.148.142	43.226.881.790	4.920.201.819	322.517.727	62.807.749.478
Mua trong năm	-	1.815.000.000	-	-	1.815.000.000
Hủy tài sản cố định	(623.654.962)	-	-	-	(623.654.962)
Số dư ngày 31/12/2022	13.714.493.180	45.041.881.790	4.920.201.819	322.517.727	63.999.094.516
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2022	7.952.325.273	31.248.030.166	2.091.879.894	287.274.006	41.579.509.339
Khấu hao trong năm	511.037.138	3.930.574.034	496.622.955	13.540.524	4.951.774.651
Hủy tài sản cố định	(160.437.276)	-	-	-	(160.437.276)
Số dư ngày 31/12/2022	8.302.925.135	35.178.604.200	2.588.502.849	300.814.530	46.370.846.714
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	6.385.822.869	11.978.851.624	2.828.321.925	35.243.721	21.228.240.139
Tại ngày 31/12/2022	5.411.568.045	9.863.277.590	2.331.698.970	21.703.197	17.628.247.802

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 22.432.060.124 VND;

- Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để đảm bảo các khoản vay có giá trị: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
<i>Văn phòng Công ty</i>				
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811	8.485.617.811
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069	3.627.994.069
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443	4.022.522.443
Các đối tượng khác	300.331.900	300.331.900	327.568.411	327.568.411
<i>Nhà máy</i>				
Công ty CP Nhà khung thép & Thiết bị công nghiệp	5.445.681.327	5.445.681.327	3.377.281.493	3.377.281.493
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng & Công nghiệp Việt Nam	1.885.390.056	1.885.390.056	89.450.904	89.450.904
Công ty CP Kỹ thuật & Thương mại SBC Việt Nam	392.325.950	392.325.950	1.225.192.971	1.225.192.971
Công ty TNHH Kết cấu thép 568	3.582.646.810	3.582.646.810	-	-
Công ty TNHH Ống thép 190	1.749.598.359	1.749.598.359	1.139.798.854	1.139.798.854
Công ty Thép Xuân Nam	589.006.320	589.006.320	416.295.995	416.295.995
Công ty TNHH Xây lắp và Vận tải Tân Đạt	1.395.804.000	1.395.804.000	-	-
Công ty TNHH Phú Đức	623.063.662	623.063.662	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng Minh An	631.523.259	631.523.259	-	-
Công ty TNHH Kết cấu thép Hoàng Mai	691.212.774	691.212.774	-	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Long Thái	500.000.000	500.000.000	700.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh VLXD & Thương mại Ngọc Thắng	8.453.356.118	8.453.356.118	4.672.786.593	4.672.786.593
Các đối tượng khác	8.661.816.380	8.661.816.380	5.244.335.849	5.244.335.849
Cộng	51.037.891.238	51.037.891.238	33.328.845.393	33.328.845.393

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Công ty TNHH Thái Bình Dương	4.687.391.719	-
Công ty TNHH Phương Liên	-	17.200.000.000
Các đối tượng khác	540.008.150	540.008.150
<i>Nhà máy</i>		
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại COLLAB Việt Nam	5.731.109.930	-
Công ty TNHH Thiên Phú	11.291.764.938	7.537.839.176
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Cơ khí Hà Nội	-	1.896.643.600
Công ty TNHH Dong Hui	3.799.148.939	-
Công ty TNHH DOUM E&C	1.316.720.999	-
Công ty CP Sản xuất và Phân phối Mai Nam	5.764.074.261	-
Các đối tượng khác	5.116.136.381	994.997.104
Cộng	38.246.355.317	28.169.488.030

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	2.016.099.259	2.016.099.259	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.316.830.758	1.437.291.051	2.516.830.758	237.291.051
Thuế thu nhập cá nhân	-	150.448.736	144.103.476	6.345.260
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	832.718.881	832.718.881	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.316.830.758	4.440.557.927	5.513.752.374	243.636.311
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	34.464.001	34.464.001	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	214.709.552	153.299.123	67.603.272	129.013.701
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.368.947	-	-	6.368.947
Cộng	255.542.500	187.763.124	67.603.272	135.382.648

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Địa chỉ: Tổ 7, Thị trấn Đồng Anh - Huyện Đồng Anh - TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
<i>Vay cá nhân</i>	-	-	-	7.159.240.000	7.159.240.000	7.159.240.000
Ông Lưu Văn Đông	-	-		7.159.240.000	7.159.240.000	7.159.240.000
Cộng	-	-	-	7.159.240.000	7.159.240.000	7.159.240.000

(*): Các khoản vay vốn tạm thời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất: 3%/ năm tính từ ngày nhận tiền vay.

b) Các khoản vay là của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

14. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Phí kiểm toán	45.454.544	45.454.545
Cộng	45.454.544	45.454.545

15. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Văn phòng Công ty</i>		
Kinh phí công đoàn	135.528.686	132.306.526
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Comess	550.000.000	550.000.000
Công ty CP Thiết kế & Đầu tư xây dựng Comess	350.846.395	350.846.395
Công ty CP Kết cấu thép xây dựng Hà Nội	2.051.943.631	2.051.943.631
Các khoản phải trả khác	789.197.356	869.208.618
Nhà máy		
Kinh phí công đoàn	626.618.141	525.693.252
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	2.372.482.285	2.372.482.285
Công ty CP Dệt may Kim Toan	-	3.500.000.000
Trần Thanh Bình	1.127.277.000	-
Các đối tượng khác	874.455.868	1.475.838.336
Cộng	8.878.349.362	11.828.319.043

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

16. Vốn chủ sở hữu**16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2021	45.000.000.000	3.191.509.818	7.712.333.882	55.903.843.700
Lãi trong năm trước	-	-	5.725.350.790	5.725.350.790
Chia cổ tức	-	-	(4.950.000.000)	(4.950.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(2.762.333.882)	(2.762.333.882)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Số dư ngày 01/01/2022	45.000.000.000	3.191.509.818	5.725.350.790	53.916.860.608
Lãi trong năm nay	-	-	5.683.561.137	5.683.561.137
Chia cổ tức	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	(1.225.350.790)	(1.225.350.790)
Số dư ngày 31/12/2022	45.000.000.000	3.191.509.818	5.683.561.137	53.875.070.955

16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam	10.400.000.000	10.400.000.000
Các đối tượng khác	34.600.000.000	34.600.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.500.000.000	4.950.000.000

16.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: chưa
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

16.5 Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.500.000	4.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

16.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	16.606.628.702	-	-	16.606.628.702
Cộng	16.606.628.702	-	-	16.606.628.702

Mục đích trích lập và sử dụng quỹ của Công ty:

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty. Năm 2022, Công ty không trích lập bổ sung quỹ này.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
Tiền USD	56,83	83,23

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	310.175.076.760	238.997.160.615
Cộng	310.175.076.760	238.997.160.615

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết tại trình bày tại thuyết minh số VIII.2.**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn sản xuất, lắp đặt khung nhà thép tiền chế	292.557.652.436	223.935.106.788
Cộng	292.557.652.436	223.935.106.788

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	289.414.220	65.514.387
Cổ tức được chia	198.000.000	237.600.000
Cộng	487.414.220	303.114.387

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

4. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá trị thu hồi từ thanh lý và hủy TSCĐ	40.620.000	157.055.247
Thu tiền nhà của cán bộ công nhân viên	19.249.159	27.818.181
Xử lý chênh lệch nguyên vật liệu thừa khi kiểm kê	-	26.048.460
Thu nhập khác	-	1
Cộng	59.869.159	210.921.889

5. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ bị hủy	463.217.687	-
Tiền phạt chậm nộp thuế	71.972	53.275.832
Lãi chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	2.493.002
Xử lý công nợ không thể thu hồi	135.003.296	-
Xử lý chênh lệch công nợ trong thanh toán	-	8.434.902
Cộng	598.292.955	64.203.736

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	7.476.622.561	7.139.695.058
Chi phí nhân viên quản lý	3.165.014.891	3.071.866.319
Chi phí vật liệu quản lý	896.656.079	585.759.068
Chi phí đồ dùng văn phòng	306.003.575	306.816.261
Chi phí khấu hao TSCĐ	537.628.130	908.711.093
Thuế, phí và lệ phí	840.509.685	1.182.161.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.041.094.619	558.854.611
Chi phí bằng tiền khác	689.715.582	525.526.696
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	2.876.477.461	2.454.538.595
Chi phí nhân viên	2.619.092.862	2.086.738.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.000.000	145.000.000
Chi phí bằng tiền khác	217.384.599	222.800.000
c) Các khoản giảm chi phí QLDN phát sinh trong năm	(117.411.073)	(1.562.545.855)
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(117.411.073)	(1.562.545.855)
Cộng	10.235.688.949	8.031.687.798

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	239.526.948.062	211.611.556.851
Chi phí nhân công	23.106.211.645	23.314.726.122
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.951.774.651	5.784.548.256
Chi phí dự phòng	(117.411.073)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.645.276.410	14.967.642.612
Chi phí khác bằng tiền	1.907.295.478	2.194.997.594
Cộng	295.020.095.173	257.873.471.435

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh trong kỳ	310.722.360.139	239.511.196.891
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	310.524.360.139	239.089.357.920
Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	198.000.000	421.838.971
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	303.601.507.951	232.171.447.637
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	303.337.904.882	231.755.204.128
Chi phí không được trừ khi thuế thu nhập doanh nghiệp	263.603.069	416.243.509
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	7.186.455.257	7.334.153.792
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.437.291.051	1.466.830.758
Thuế TNDN bị truy thu bổ sung cho năm 2019 và 2020	-	147.567.706
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.437.291.051	1.614.398.464

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.683.561.137	5.725.350.790
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.683.561.137	5.725.350.790
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.263,01	1.272,30

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**2.1 Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quanMối quan hệ

Tổng Công ty CP Xây dựng công nghiệp Việt Nam

Đơn vị góp vốn

Công ty CP Kết cấu thép số 5

Công ty liên kết

Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên

Công ty liên kết

2.2 Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng	488.115.312	488.115.312
Công ty CP Kết cấu thép số 5	488.115.312	488.115.312
Phải thu khác	669.600.000	669.600.000
Công ty CP Kết cấu thép Thái Nguyên	669.600.000	669.600.000
Phải trả người bán	-	157.918.530
Công ty CP Kết cấu thép số 5	-	157.918.530

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty CP Kết cấu thép Xây dựng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CP KẾT CẤU THÉP XÂY DỰNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Quyên

Nguyễn Thị Ngọc Hà